

Sau cuộc họp giữa tháng Chín với quyết định nâng 75 điểm cơ bản lãi suất điều hành của FED, triển vọng thế giới chuyển biến khá nhanh theo chiều hướng tiêu cực. Rủi ro về suy thoái kinh tế ngày càng tăng cao, đồng thời xác suất của các vụ vỡ nợ lớn đang trở thành bóng ma đe dọa thị trường tài chính toàn cầu. Ngoài ra, sự leo thang chiến tranh Nga-Ukraine vẫn chưa có hồi kết là những trọng điểm chi phối thị trường chứng khoán. Trong báo cáo 09/2022 gần đây, OECD đã hạ dự báo tăng trưởng của hầu hết các nền kinh tế. Trong đó, điều chỉnh giảm dự báo tốc độ tăng trưởng toàn cầu năm 2023 từ mức 2,8% về 2,2%, giảm 0,6%. Bên cạnh điều chỉnh giảm 0,7% tại Mỹ, 1,3% tại khu vực Châu Âu và 0,2% tại Trung Quốc.

Trong nước, mặt bằng lãi suất cho vay ở một số ngành nghề/ doanh nghiệp có nền tảng hoạt động vững chắc có thể sẽ chỉ nhích dần theo chi phí huy động của các ngân hàng. Dù vậy, tăng trưởng cung tiền nhìn chung đang chậm hơn so với tăng trưởng tín dụng khi mà tiền đồng vẫn đang bị rút ròng trên kênh OMO và động thái bán USD của NHNN. Đồng thời với đó, Nghị định 65 (sửa đổi Nghị định 153) về phát hành trái phiếu riêng lẻ, dù nhiều hay ít, đang siết một phần nguồn vốn huy động từ dân cư (cho doanh nghiệp thông qua việc mua trái phiếu). Kênh tín dụng ngân hàng, do vậy, sẽ phải chia sẻ 1 phần cho sự "hút đi" này. Theo đó, chúng tôi cho rằng lãi suất cho vay ở những lĩnh vực có rủi ro cao sẽ tiếp tục tăng nhanh trong thời gian tới. Có thể hiểu rằng, mặc dù NHNN đã tăng 100 điểm cơ bản các loại lãi suất điều hành, với diễn tiến hiện tại từ thế giới, chính sách tiền tệ của NHNN vẫn theo hướng chặt chẽ và thận trọng.

Ngoài ra, chúng tôi dự báo tăng trưởng LNST trong Q3/2022 của các doanh nghiệp nhìn chung vẫn khả quan so với cùng kỳ song tốc độ tăng đã giảm đáng kể so với Q2/2022. Vì vậy, sẽ chưa tạo nhiều động lực cải thiện cho thị trường.

Trong kịch bản cơ sở, chúng tôi kỳ vọng VNIndex sẽ dao động trong khoảng 1050 – 1150.



Ban Chiến lược

Nguyễn Thị Phương Lam

lam.ntp@vdsc.com.vn

Đỗ Thanh Tùng

tung.dt@vdsc.com.vn

Trần Kỳ Anh

anh.tk@vdsc.com.vn

Lê Tự Quốc Hưng

hung.ltq@vdsc.com.vn

Trần Thị Ngọc Hà

ha.ttn@vdsc.com.vn

Trần Ngọc Thảo Trang

trang.tnt@vdsc.com.vn

NỘI DUNG

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THÁNG CHÍN: TỤT DỐC	3
TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG MƯỜI: ÁP LỰC GIẢM TỪ BỐI CẢNH VĨ MÔ	8
CHIẾN LƯỢC VÀ Ý TƯỞNG ĐẦU TƯ THÁNG MƯỜI	12
DANH SÁCH CỔ PHIẾU QUAN TÂM	15

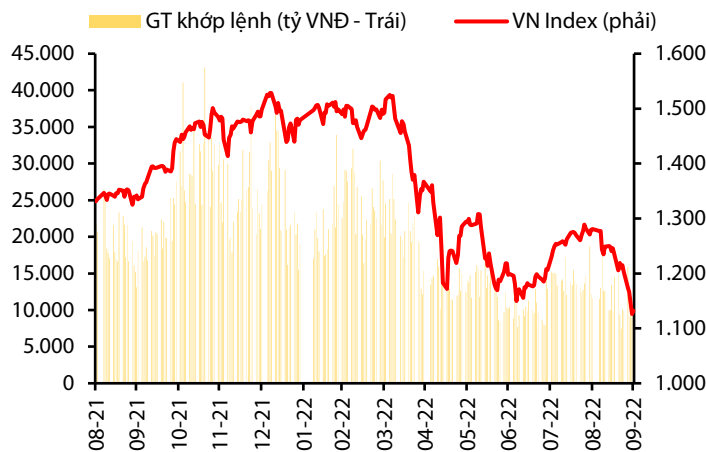
55 mã cổ phiếu được CTCK Rồng Việt nghiên cứu (tìm hiểu, trao đổi thông tin với doanh nghiệp) và có những phân tích, đánh giá cụ thể trong các “Báo cáo phân tích công ty” hoặc “Nhật ký chuyên viên” phát hành từ trước đến nay.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THÁNG CHÍN: TỤT ĐỐC

Trong tháng Chín, dữ liệu vĩ mô Q3/2022 của Việt Nam tiếp tục cho thấy sự phục hồi ấn tượng, nhưng việc thắt chặt chính sách tiền tệ để tương thích với các hành động khác của các Ngân hàng Trung ương khiến thanh khoản bị siết chặt. NHNN đã tăng lãi suất điều hành lần đầu tiên sau hai năm vào ngày 22/9, ngay sau tăng lãi suất lần thứ năm của FED (+75 bps) trong vòng một năm. Đồng thời, NHNN cũng không ngừng bán dự trữ ngoại hối để ổn định tỷ giá. Trước tình hình thanh khoản không mấy khả quan, thị trường chứng khoán Việt Nam bắt đầu phản ứng ngay từ đầu tháng Chín. VN Index có tháng giao dịch tồi tệ nhất kể từ đầu năm khi giảm -11,59% xuống 1.132, xóa sạch mọi cố gắng trong hai tháng trước đó. Các chỉ số phụ khác còn bị ảnh hưởng nặng nề hơn như VN30, VN MIDCAP và VN SMALLCAP lần lượt giảm 11,5%, 12,7% và 14,3%. Các chỉ số chính khác cũng ghi nhận diễn biến không mấy khả quan, trong đó HNX Index giảm 14,3% và UpCom Index giảm 8,1%.

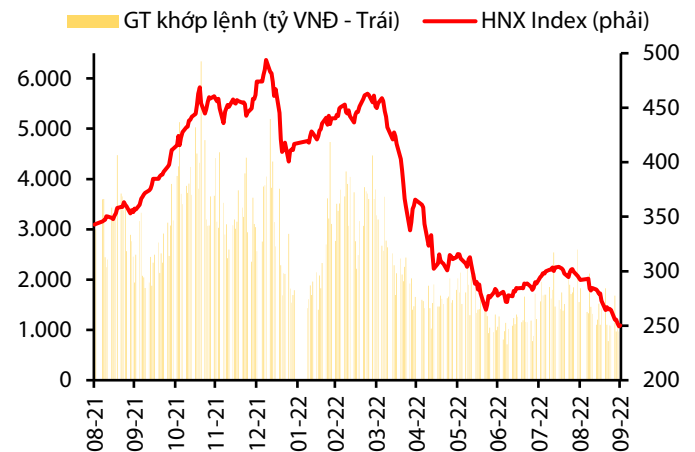
So sánh với các thị trường chứng khoán khác, VN Index nằm trong danh sách các chỉ số có hiệu suất kém nhất trong tháng Chín cùng với Nikkei 225 (-7,67%), S&P 500 (-9,34%), KOSPI (-12,81%), Hang Seng (-13,7%).

Hình 1: VN Index, Tháng 9/2021 – Tháng 9/2022



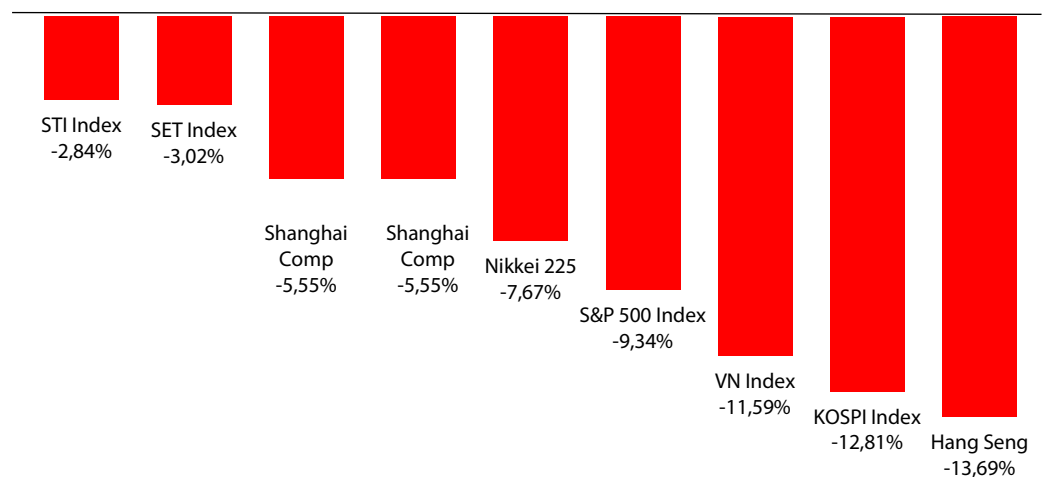
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

Hình 2: HNX Index, Tháng 9/2021 – Tháng 9/2022



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

Hình 3: Diễn biến các chỉ số toàn cầu trong Tháng 9/2022



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

Chính sách thắt chặt tiền tệ toàn cầu khiến thanh khoản giảm sút không chỉ trên thị trường chứng khoán toàn cầu, mà cả tại thị trường chứng khoán Việt Nam. Hệ quả này lấn át sự tích cực của việc giao dịch T+2 và giao dịch lô lẻ, có hiệu lực từ đầu tháng Chín. Giá trị giao dịch bình quân thông qua khớp lệnh trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh giảm xuống còn 11,7 nghìn tỷ đồng/phần (-16,6% so với tháng trước).

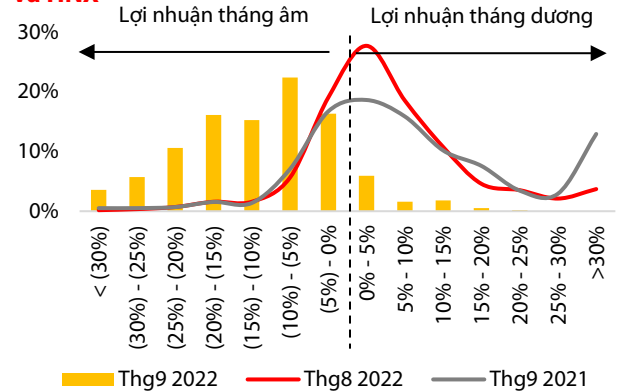
Đợt điều chỉnh mạnh vào cuối tháng Chín đã xóa sạch mọi nỗ lực tăng trong hai tháng trước đó của phần lớn các cổ phiếu trên sàn. Phân phối lợi nhuận của thị trường tập trung nhiều ở vùng âm với 90% số cổ phiếu chứng kiến sự giảm giá. Trong đó, có 36% mã điều chỉnh trên 15%.

Bảng 1: Diễn biến theo vốn hóa thị trường trong Tháng Chín

	VN30		VNMid		VNSmall	
	TBKL hàng ngày (tỷ đồng)	Thay đổi giá (%)	TBKL hàng ngày (tỷ đồng)	Thay đổi giá (%)	TBKL hàng ngày (tỷ đồng)	Thay đổi giá (%)
T7/2022	3.659	-1,35	4.508	4,46	1.343	3,81
T8/2022	4.810	5,64	6.451	5,47	2.248	6,69
T9/2022	3.698	-11,48	5.652	-12,65	1.829	-14,29

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt
TBKL: Khối lượng giao dịch trung bình

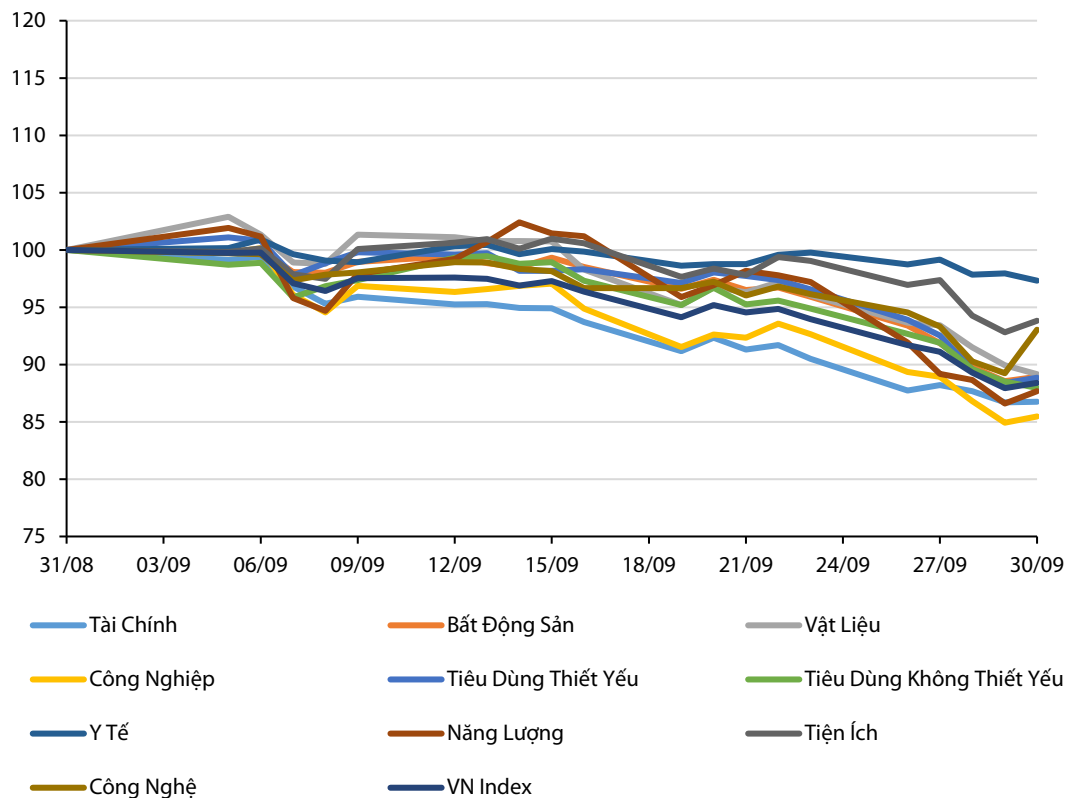
Hình 4: Phân phối lợi nhuận tháng trên sàn HSX và HNX



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

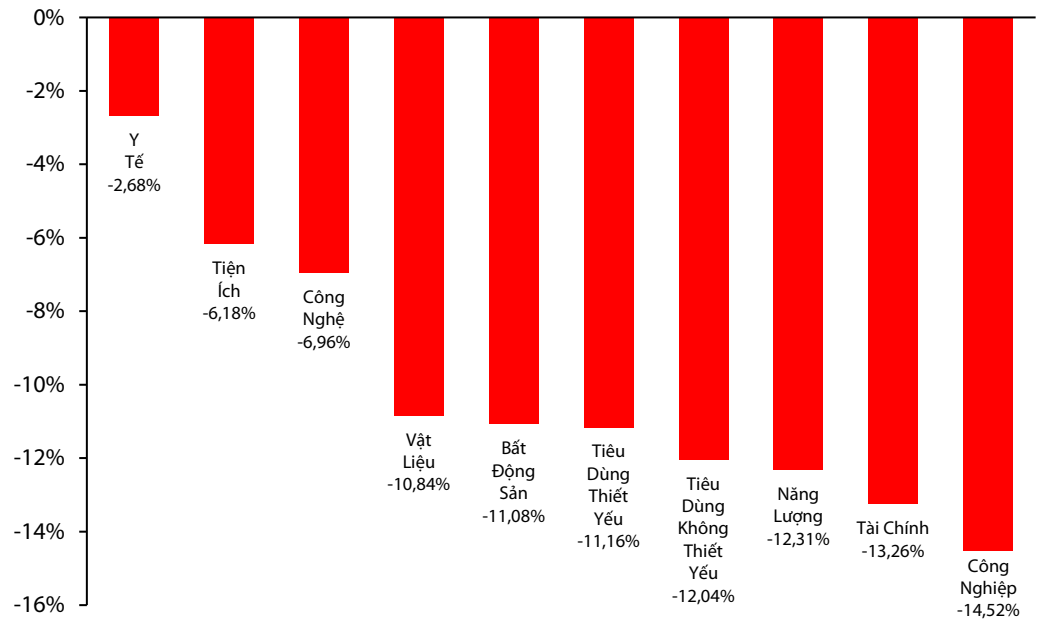
Trong số các ngành dựa trên tiêu chí GICS, tất cả các nhóm ngành đều có tháng bị ảnh hưởng nặng nề nhất từ đầu năm đến nay, không có ngành nào có mức sinh lợi tăng trong tháng mới đây (hình 6). Ngành công nghiệp dẫn đầu với mức giảm -14,51%. Trong đó, **HVN (-22,6%)**, **VGC (-23,4%)**, **VJC (-8,08%)** và **DIG (-21,8%)** là những mã bị bán ròng nhiều nhất. Tiếp theo là ngành tài chính (-13,26%) và cũng là nhóm đóng góp nhiều nhất vào mức giảm chung của thị trường trong tháng 9 với **VCB (-12,9%)**, **BID (-15,3%)**, **CTG (-17,9%)** và **TCB (-16,6%)** là các cổ phiếu dẫn đầu.

Hình 5: Diễn biến ngành Tháng Chín



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Hình 6: Hiệu suất các nhóm ngành Tháng Chín

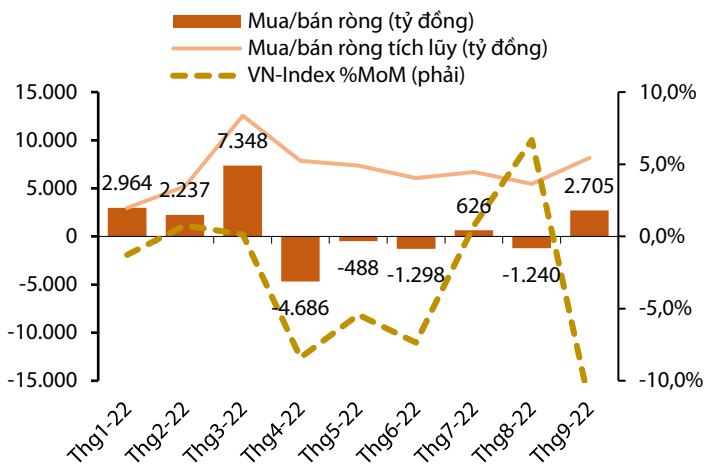


Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Nhà đầu tư cá nhân trong nước

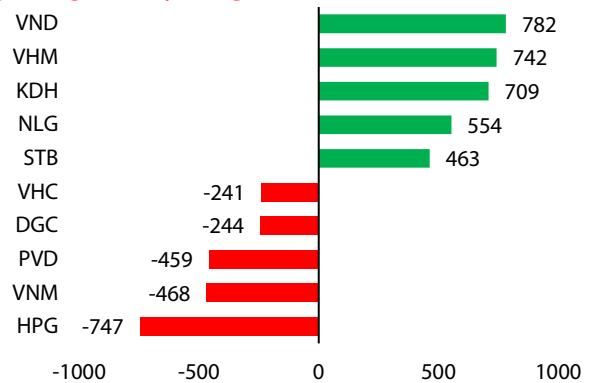
Các nhà đầu tư cá nhân trong nước đã đảo chiều mua ròng trong tháng Chín với giá trị 2.705 tỷ đồng và lũy kế từ đầu năm duy trì vị thế mua ròng đạt 8.167 tỷ đồng. Ngoài ra, danh sách các cổ phiếu được giao dịch tích cực nhất bởi các nhà đầu tư cá nhân trong nước xem Hình 8.

Hình 7: Diễn biến mua ròng/bán ròng hàng tháng của nhà đầu tư cá nhân trong nước YTD trên sàn HSX



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Hình 8: Danh sách các cổ phiếu được mua/bán mạnh nhất bởi nhà đầu tư cá nhân trong nước tại sàn HSX trong tháng Tám (tỷ đồng)

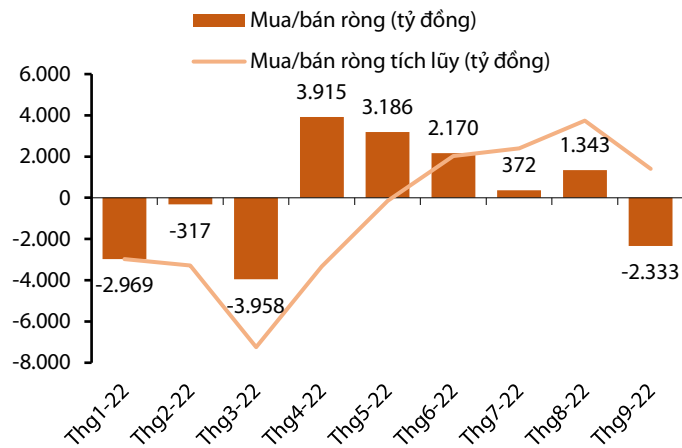


Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Khối ngoại

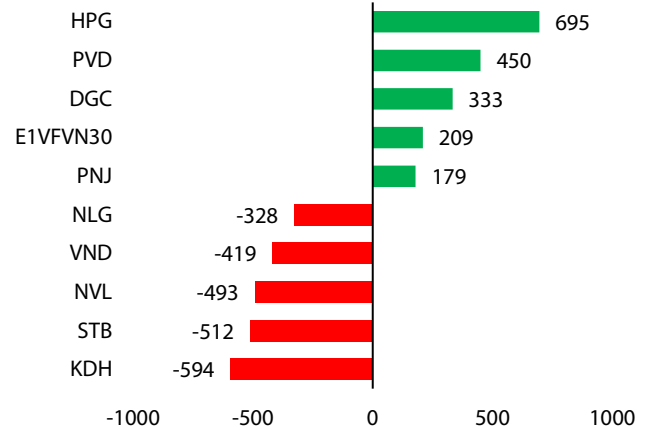
Trong tháng Chín, khối ngoại gây ngạc nhiên khi quay lại bán ròng với giá trị -2.333 tỷ đồng sau 5 tháng mua ròng liên tiếp. Trong đó, ngân hàng, dịch vụ tài chính và bất động sản là nhóm ngành bị hút ròng nhiều nhất từ các nhà đầu tư nước ngoài (Bảng 2). Tuy nhiên, lũy kế cả năm vẫn duy trì vị thế mua ròng ở mức 1.408 tỷ đồng. Ngoài ra, khối lượng cổ phiếu được mua/bán nhiều nhất được thể hiện trong hình 10.

Hình 9: Diễn biến mua ròng/bán ròng hàng tháng của khối ngoại YTD trên sàn HSX



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Hình 10: Các cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài mua/bán nhiều nhất trên HOSE trong Tháng 9 (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Bảng 2: Giá trị khối ngoại mua ròng/bán ròng theo ngành trên sàn HOSE và HNX

Ngành	HSX		HNX	
	Giá trị giao dịch ròng (tỷ đồng)	Khối lượng giao dịch ròng (nghìn CP)	Giá trị giao dịch ròng (tỷ đồng)	Khối lượng giao dịch ròng (nghìn CP)
Tài nguyên Cơ bản	539	20.461	-77	-4.950
Dầu khí	378	19.279	-5	-70
Hóa chất	188	815	2	55
Hàng cá nhân & Gia dụng	176	1.229	0	10
Thực phẩm và đồ uống	51	4.851	-1	-82
Y tế	49	769	63	1.379
Công nghệ Thông tin	41	697	-3	-257
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	32	5.211	-4	-144
Viễn thông	0	0	29	612
Truyền thông	-1	-112	-1	4
Bán lẻ	-53	-635	0	13
Ô tô và phụ tùng	-85	-6.496	0	14
Bảo hiểm	-128	-4.274	1	51
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-140	-5.635	0	69
Xây dựng và Vật liệu	-179	-6.967	1	68
Du lịch và Giải trí	-191	-1.845	-22	-170
Ngân hàng	-694	-29.319	10	346
Dịch vụ tài chính	-1.196	-54.017	84	3.335
Bất động sản	-1.873	-53.674	-1	-51

Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Trong tháng Chín, dòng vốn bị rút ròng là xu thế chính của dòng vốn đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán Châu Á. Chỉ có Indonesia duy trì hút ròng 209 triệu USD. Trong khi áp lực rút ròng (111 triệu USD) trong tháng Chín đã xóa sạch vị thế dòng vốn ròng tích lũy từ đầu năm đến nay của Việt Nam trong tháng trước đó. Tuy nhiên, giá trị rút ròng của Việt Nam vẫn ít hơn nhiều so với các thị trường khác.

Dòng vốn từ các quỹ ETF đã chứng kiến diễn biến rút ròng khiêm tốn trong tháng Chín. Trong khi các quỹ ETF nước ngoài duy trì bơm ròng trị giá 1,8 triệu USD, thì các quỹ ETF trong nước đã bán ròng 6 triệu USD. Trong đó, Fubon FTSE Vietnam ETF dẫn đầu quỹ ngoại giải ngân 5,3 triệu USD và nâng dòng vốn tích lũy từ đầu năm lên 454,5 triệu USD so với 526 triệu USD AUM. Quỹ DCVFMVN30 ETF (7,2 triệu USD) bán ra nhiều nhất trong số các quỹ trong nước.

Bảng 3: Dòng vốn đầu tư danh mục nước ngoài vào thị trường chứng khoán

Quốc gia	Dòng vốn ròng (triệu USD)		
	1T	3 tháng	YTD
Indonesia	209	568	4.836
Sri Lanka	41	45	37
Việt Nam	-111	-20	-53
Philippines	-216	-449	-1.224
Maylaysia	-337	151	1.612
Thái Lan	-655	1.076	4.518
Ấn Độ	-1.437	6.190	-22.367
Hàn Quốc	-1.805	2.570	-13.517
Đài Loan	-5.748	-10.498	-44.567
Nhật Bản	-17.528	-15.459	-14.887

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt
YTD: Từ đầu năm

Bảng 4: Dòng vốn từ các quỹ ETF

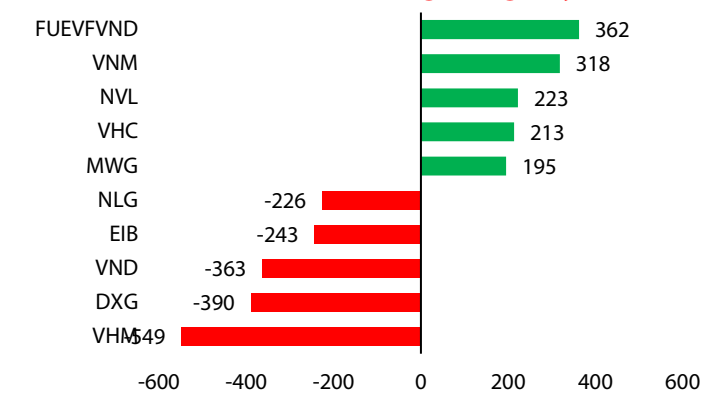
Quỹ ETF	Tài sản (triệu USD)	Lưu chuyển dòng vốn (triệu USD)		
		1T	3T	YTD
Tổng	2.623	(4,2)	36,2	133,5
Foreign ETFs	1.587	1,8	42,8	206,3
Fubon FTSE Vietnam ETF	526	5,3	33,2	454,5
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	269	3,3	38,9	(70,9)
Asian Growth CUBS ETF	10	-	0,2	13,0
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	317	-	(6,7)	(49,4)
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	116	-	(4,7)	(110,6)
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	4	-	-	(8,5)
Premia MSCI Vietnam ETF	21	(1,0)	1,2	0,8
VanEck Vectors Vietnam ETF	323	(5,8)	(19,4)	(22,6)
Local ETFs	1.036	(6,0)	(6,6)	(72,8)
SSIAM VNFIN LEAD ETF	119	1,2	13,6	0,1
DCVFMVN Diamond ETF	591	-	-	(132,9)
MAFN VN30 ETF	26	-	1,0	47,2
SSIAM VNX50 ETF	11	-	-	2,1
SSIAM VN30 ETF	3	-	-	10,6
VinaCapital VN100 ETF	4	-	-	-
DCVFMVN30 ETF Fund	283	(7,2)	(21,2)	-

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

Nhà đầu tư tổ chức trong nước

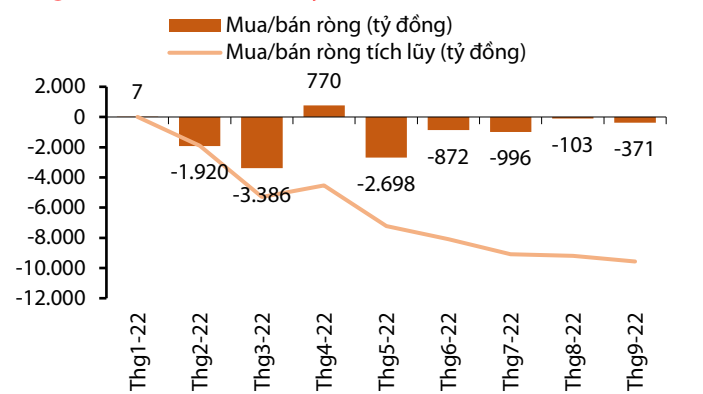
Các nhà đầu tư tổ chức trong nước vẫn chưa có hành động quay lại vị thế mua ròng trong tháng Chín với giá trị bán ròng 371 tỷ đồng và nâng giá trị bán ròng lũy kế từ đầu năm lên 9.568 tỷ đồng. Tuy nhiên, lượng bán ra vẫn ở mức khiêm tốn so với lượng bán mạnh trong giai đoạn từ tháng Hai đến tháng Năm. Các cổ phiếu được giao dịch nhiều nhất bởi các nhà đầu tư tổ chức trong nước xem ở hình 11.

Hình 11: Các cổ phiếu được nhà đầu tư tổ chức trong nước mua/bán nhiều nhất trên HOSE trong Tháng 9 (tỷ VND)



Nguồn: FiinPro, CTCK Rông Việt

Hình 12: Hoạt động giao dịch của các nhà đầu tư tổ chức trong nước trên sàn HSX (tỷ VND)



Nguồn: FiinPro, CTCK Rông Việt

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG MƯỜI: ÁP LỰC GIẢM TỪ BỐI CẢNH VĨ MÔ

Trong bối cảnh triển vọng tăng trưởng toàn cầu suy giảm, lãi suất Mỹ và đồng USD dự báo duy trì ở mức cao sẽ là rào cản đối với dòng vốn đầu tư gián tiếp vào các thị trường mới nổi, trong đó có Việt Nam. Trong nước, mặt bằng lãi suất tại các NHTM nhìn chung sẽ trong xu hướng tăng trong thời gian tới, khi mà (1) không gian chính sách tiền tệ khá hạn hẹp trước các biến động khó lường từ thế giới và (2) ảnh hưởng ngắn hạn của Nghị định 65/2022 về việc phát hành trái phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư cá nhân. Ngoài ra, chúng tôi dự báo tăng trưởng LNST trong Q3/2022 của các doanh nghiệp nhìn chung vẫn khả quan so với cùng kỳ song tốc độ tăng đã giảm đáng kể so với Q2/2022. Vì vậy, sẽ chưa tạo nhiều động lực cải thiện cho thị trường.

Trong kịch bản cơ sở, chúng tôi kỳ vọng VNIndex sẽ dao động trong khoảng 1050 - 1150.

Triển vọng tăng trưởng toàn cầu suy giảm

Trong báo cáo 09/2022 gần đây, OECD đã hạ dự báo tăng trưởng của hầu hết các nền kinh tế. Trong đó, điều chỉnh giảm dự báo tốc độ tăng trưởng toàn cầu năm 2023 từ mức 2,8% về 2,2%, giảm 0,6%. Bên cạnh điều chỉnh giảm 0,7% tại Mỹ, 1,3% tại khu vực Châu Âu và 0,2% tại Trung Quốc. Một trong những nguyên nhân được OECD nhấn mạnh có tác động đáng kể đến tăng trưởng toàn cầu là do sự ảnh hưởng của chiến tranh, việc này đã thúc đẩy việc leo thang giá năng lượng và thực phẩm, càng trầm trọng thêm tình hình lạm phát trong bối cảnh mà chi phí sinh hoạt đã tăng nhanh chóng trên toàn thế giới sau đại dịch covid-19.

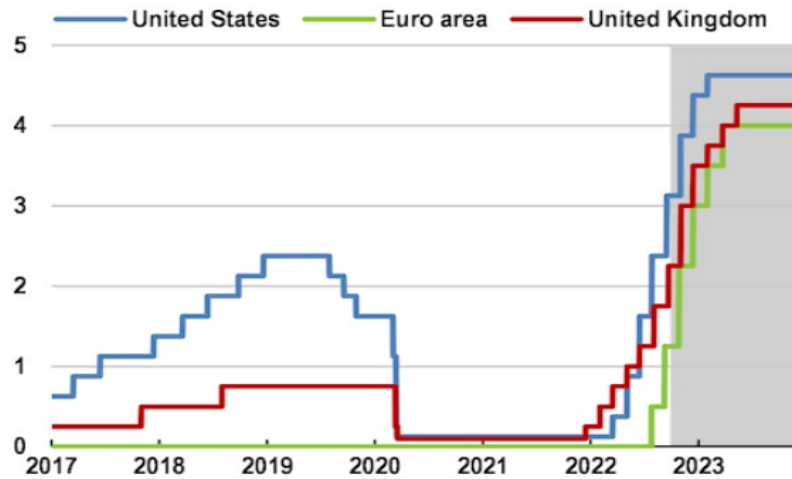
Bảng 5: Dự báo tăng trưởng GDP các nước

	2021	2022		2023	
		Dự báo	thay đổi sv T06.22	Dự báo	thay đổi sv T06.22
Thế giới	5,8	3,0	0,0	2,2	-0,6
G20	6,2	2,8	-0,1	2,2	-0,6
EU	5,2	3,1	0,5	0,3	-1,3
Đức	2,6	1,2	-0,7	-0,7	-2,4
Pháp	6,8	2,6	0,2	0,6	-0,8
Ý	6,6	3,4	0,9	0,4	-0,8
Tây Ban Nha	5,5	4,4	0,3	1,5	-0,7
Anh	7,4	3,4	-0,2	0,0	0,0
Mỹ	5,7	1,5	-1,0	0,5	-0,7
Canada	4,5	3,4	-0,4	1,5	-1,1
Australia	4,9	4,1	-0,1	2,0	-0,5
Trung Quốc	8,1	3,2	-1,2	4,7	-0,2
Ấn Độ	8,7	6,9	0,0	5,7	-0,5
Nhật Bản	1,7	1,6	-0,1	1,4	-0,4
Hàn Quốc	4,1	2,8	0,1	2,2	-0,3

Nguồn: OECD, CTCK Rồng Việt

Lạm phát tăng nhanh khiến hầu hết các quốc gia phải thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt. Tuy nhiên vấn đề đáng lo ngại sẽ là lạm phát khả năng vẫn tiếp tục kéo dài khi (1) căng thẳng chiến sự Nga – Ukraina vẫn đang tiếp diễn, (2) lạm phát đã bén rễ sâu hơn vào nhóm ngành dịch vụ. Việc này khiến NHTW các nước dự kiến sẽ tiếp tục nâng lãi suất trong thời gian tới, và bỏ ngõ câu trả lời sẽ kéo dài việc tăng lãi suất trong bao lâu.

Hình 13: Dự báo lãi suất điều hành tại Mỹ, Châu Âu và Anh



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Trong ngắn hạn, trong bối cảnh triển vọng kinh tế suy giảm, lãi suất Mỹ và đồng USD dự báo tiếp tục xu hướng tăng, rủi ro dòng vốn đầu tư gián tiếp tại các thị trường mới nổi, trong đó có Việt Nam rủi ro sẽ tiếp tục bị rút ròng, tìm đến các loại tài sản an toàn và có tỷ suất sinh lời hấp dẫn hơn như trái phiếu chính phủ Mỹ.

Bảng 6: Diễn biến dòng vốn gián tiếp tại một số khu vực

Khu vực	MTD	QTD	YTD	12M
Thị trường cổ phiếu	-24.987	-55.746	-571.758	-177.615
Asia (không bao gồm Trung Quốc)	-27.028	-15.266	-85.052	-75.935
Trung Quốc	67.469	31.492	-85.296	-51.951
Americas (4)	-1.943	2.286	10.572	27.132
US	-60.319	-60.319	-272.139	-257.482
EU	-3.166	-3.166	-136.299	137.620
UK		-10.773	-3.544	43.001
Thị trường trái phiếu	-22.172	30.757	590.312	951.845
Asia (không bao gồm Trung Quốc)	-28.909	33.868	17.939	69.528
Trung Quốc	-13.388	-79.653	-97.983	-52.882
Americas (4)	13.776	14.012	73.413	187.795
US	54.520	54.520	690.152	922.199
EU	-48.171	-48.171	-72.465	-275.877
UK		56.181	-20.744	101.082

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Chính sách tiền tệ duy trì sự chặt chẽ và thận trọng: mặt bằng lãi suất nhìn chung đi vào xu hướng tăng, song mức độ sẽ phân hóa giữa các nhóm doanh nghiệp.

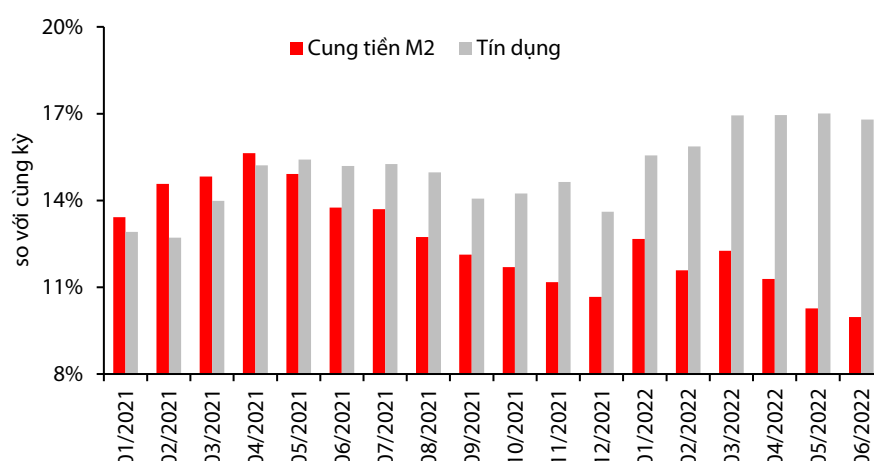
So với việc mất giá của các đồng ngoại tệ và việc tăng lãi suất của các NHTW các nước. Trong giai đoạn từ đầu năm đến nay tỷ giá và lãi suất trong nước có sự biến động ít hơn đáng kể, một phần đến từ sự hỗ trợ rất lớn từ vai trò điều tiết của NHNN.

Tuy nhiên trong giai đoạn tiếp theo, lãi suất tại các ngân hàng thương mại trong nước dự báo sẽ tiếp tục xu hướng tăng từ các áp lực: (1) đà tăng lãi suất của Fed dự kiến kéo dài sang 2023, (2) ảnh hưởng ngắn hạn của Nghị định 65/2022 về phát hành trái phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư cá nhân và (3) Chênh lệch lãi suất tại Việt Nam và Mỹ vẫn chưa thể cân bằng các rủi ro. Việc lãi suất trong nước tiếp tục xu hướng tăng trong giai đoạn tiếp theo sẽ dẫn đến rủi ro giảm hoạt động đầu tư của nhóm nhà đầu tư trong nước.

Bên cạnh đó, với định hướng ổn định lạm phát và tỷ giá, chúng tôi cho rằng NHNN sẽ vẫn thận trọng trong chính sách tiền tệ trong các tháng cuối 2022 và đầu 2023. Do đó, hạn mức tín dụng và

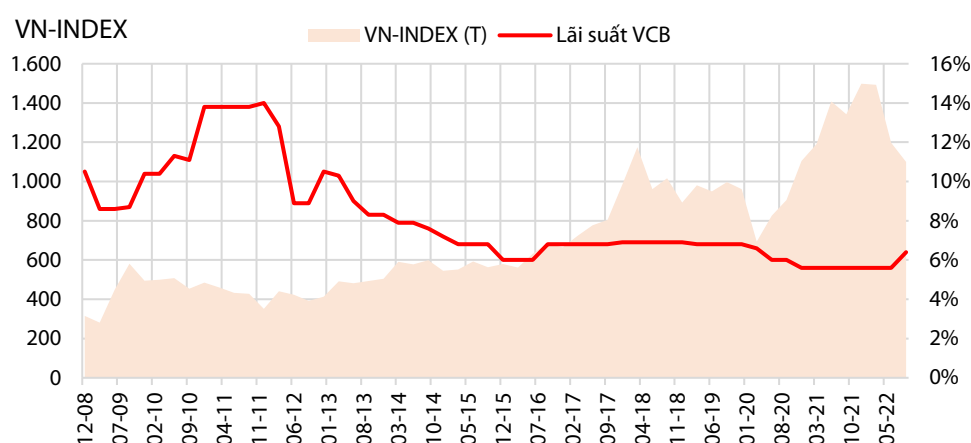
hoạt động cung tiền sẽ tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ. Điều này sẽ ảnh hưởng đến mức tăng trưởng chung của các ngành, cũng như lượng tiền tham gia giao dịch trên thị trường.

Hình 14: Tăng trưởng tín dụng và cung tiền



Nguồn: SBV, CTCK Rổng Việt

Hình 15: Tương quan VNIndex và lãi suất



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rổng Việt

Triển vọng tăng trưởng LNST trong Q3/2022 của các doanh nghiệp nhìn chung vẫn khả quan so với cùng kỳ, tuy nhiên đã giảm đáng kể so với Q2/2022

Bảng 7: Triển vọng KQKD theo nhóm ngành Q3/2022

Nhóm ngành	PE hiện tại	PE bình quân 3 năm	PB hiện tại	PB bình quân 3 năm	Q3/2022 YoY			Q3/2022 QoQ		
					Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Hàng tiêu dùng	13,6	20,7	3,3	4,7			X			X
Dầu Khí			0,7	0,6	X			X		
Logistics	10,2	12,9	1,3	1,5			X	X		
Ngân hàng	8,2	13,2	1,5	2,1			X			X
Tài chính	9,9	15,9	1,2	1,9	X			X		
Nguyên liệu cơ bản	3,9	8,8	1,2	1,8	X			X		
Y tế	18,0	21,1	2,4	2,4			X			X
Dịch vụ tiêu dùng	16,7	15,4	4,0	4,1			X	X		
Công nghệ	17,2	16,5	3,6	3,5			X	X		
Tiện ích	12,1	11,1	1,4	1,5			X	X		
KCN	8,8	8,6	0,8	1,3			X			X

Nguồn: CTCK Rổng Việt

* Số liệu được ước tính dựa vào danh sách 49 doanh nghiệp CTCK Rổng Việt đang theo dõi.

Trong Q3/2022 chúng tôi dự báo các nhóm ngành Hàng tiêu dùng, Logistics, Ngân hàng, Y tế, Dịch vụ tiêu dùng, Công nghệ, Tiện ích và Khu công nghiệp sẽ ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận tích cực trong Q3/2022 so với cùng kỳ 2021.

Ở chiều ngược lại, các ngành Dầu khí, tài chính & Vật liệu cơ bản dự báo sẽ suy giảm lợi nhuận so với Q3/2021.

Tuy nhiên, triển vọng tăng trưởng của hầu hết các nhóm ngành sẽ không còn duy trì được sự tăng trưởng đáng kể trong Q4/2022, và bắt đầu ghi nhận sự suy giảm về mặt tăng trưởng lợi nhuận sau thuế.

Các yếu tố	Xếp hạng	Nhận định
Triển vọng ảm đạm toàn cầu	--	Châu Âu & Anh đang rơi vào tình trạng lạm phát đình trệ do khủng hoảng năng lượng, dẫn đến chi tiêu ít hơn cho các hàng hóa không thiết yếu; kết quả là, tác động tiêu cực đến các nước xuất khẩu như Việt Nam.
Fed, ECB, BOE dự kiến tăng lãi suất đến giữa 2023	-	Việc Fed và khu vực Châu Âu kéo dài tăng lãi suất sẽ áp lực lên tỷ giá và lãi tỷ giá của Việt Nam. Bên cạnh áp lực bán ròng của NĐT nước ngoài.
Đại hội lần thứ 20 - Đảng Cộng sản Trung Quốc	+	Ổn định cơ chế điều hành. Bên cạnh các chính sách và cơ chế đầu tư, phát triển sẽ được định hướng rõ ràng. Điều này mở đường cho các hoạt động đầu tư, xuất khẩu của các cơ quan ban ngành và các doanh nghiệp.
Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần 6, khóa 13 của Việt Nam	+	
Các chỉ số vĩ mô Việt Nam trong tháng 9	++	- GDP Q3/2022 tăng 13,67%. - Vốn FDI thực hiện 9 tháng đạt trên 15,4 tỷ USD (cao nhất trong 5 năm qua), tăng 16,2% so với cùng kỳ.
Các chính sách tiền tệ của Việt Nam	-	Duy trì thận trọng, phụ thuộc diễn biến lạm phát Mỹ và việc FED tăng lãi suất trong những tháng sắp tới.
Dự báo tăng trưởng các DN theo dõi sẽ bắt đầu kém tích cực trong Q4/2022	-	Triển vọng tăng trưởng LNST của các doanh nghiệp đầu nhìn chung vẫn tích cực trong Q3/2022, tuy nhiên sẽ giảm đáng kể trong Q4/2022 điều này sẽ chưa tạo nhiều động lực cho thị trường trong ngắn hạn.

CHIẾN LƯỢC VÀ Ý TƯỞNG ĐẦU TƯ THÁNG MƯỜI

Giữ vị thế phòng thủ

Sau cuộc họp giữa tháng Chín với quyết định nâng 75 điểm cơ bản lãi suất điều hành của FED, triển vọng thế giới chuyển biến khá nhanh theo chiều hướng tiêu cực. Rủi ro về suy thoái kinh tế ngày càng tăng cao, đồng thời xác suất của các vụ vỡ nợ lớn đang trở thành bóng ma đe dọa thị trường tài chính toàn cầu. Ngoài ra, sự leo thang chiến tranh Nga-Ukraine vẫn chưa có hồi kết là những trọng điểm chi phối thị trường chứng khoán.

Trong nước, mặt bằng lãi suất cho vay ở một số ngành nghề/ doanh nghiệp có nền tảng hoạt động vững chắc có thể sẽ chỉ nhích dần theo chi phí huy động của các ngân hàng. Dù vậy, tăng trưởng cung tiền nhìn chung đang chậm hơn so với tăng trưởng tín dụng khi mà tiền đồng vẫn đang bị rút ròng trên kênh OMO và động thái bán USD của NHNN. Đồng thời với đó, Nghị định 65 (sửa đổi Nghị định 153) về phát hành trái phiếu riêng lẻ, dù nhiều hay ít, đang siết một phần nguồn vốn huy động từ dân cư (cho doanh nghiệp thông qua việc mua trái phiếu). Kênh tín dụng ngân hàng, do vậy, sẽ phải chia sẻ 1 phần cho sự "hút đi" này. Theo đó, chúng tôi cho rằng lãi suất cho vay ở những lĩnh vực có rủi ro cao sẽ tiếp tục tăng nhanh trong thời gian tới. Có thể hiểu rằng, mặc dù NHNN đã tăng 100 điểm cơ bản các loại lãi suất điều hành, với diễn tiến hiện tại từ thế giới, chính sách tiền tệ của NHNN vẫn theo hướng chặt chẽ và thận trọng.

Hiệu suất các cổ phiếu đã khuyến nghị hàng tháng

Cổ Phiếu	Hiệu Suất tháng 9	Hiệu suất đầu tư từ lúc khuyến nghị	Khuyến nghị Mua kể từ	Giá mục tiêu (VND)	Cổ tức (VND)	Thị giá (VND) @ 03/10/2022	Tỷ lệ sinh lời kỳ vọng
PVT	-10.1%	-21.9%	Thg4 2022	23,800	500	18,250	33%
VCB	-12.9%	-1.1%	Thg7 2022	96,900	0	70,600	37%
QNS	-6.3%	-6.6%	Thg4 2022	50,300	3,000	43,700	22%
DRC	-6.5%	-1.7%	Thg8 2022	34,700	1,200	26,300	37%
BMP	-11.4%	-6.3%	Thg8 2022	81,100	6,550	55,100	59%
NT2	4.0%	23.4%	Thg4 2022	29,200	1,000	26,500	14%
CTG	-17.9%	-19.2%	Thg8 2022	34,000	0	21,600	57%
VNM	-4.2%	-1.6%	Thg8 2022	85,100	3,850	71,000	25%
BMP	-11.4%	-6.3%	Thg8 2022	81,100	6,550	55,100	59%
PVD	-4.3%	-6.6%	Thg9 2022	23,000	0	18,450	25%

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Điểm sáng trong bức tranh u ám chung của nền kinh tế toàn cầu, là tăng trưởng GDP quý 3/2022 của Việt Nam vẫn đạt hơn 13%, cao hơn cả dự báo trước đó của các tổ chức tài chính. Theo đó, chúng tôi kỳ vọng khi thông tin kết quả kinh doanh quý 3/2022 dần hé lộ trong tháng Mười, TTCK Việt Nam sẽ có nhịp hồi phục nhờ những nhóm ngành/ cổ phiếu có kết quả kinh doanh tích cực.

Trạng thái danh mục vẫn được khuyến nghị duy trì vị thế phòng thủ với sự cân bằng giữa cổ phiếu và tiền mặt. Một số ý tưởng đầu tư cho tháng Mười, cho mục tiêu ngắn hạn, là những cổ phiếu đã giảm giá sâu và triển vọng KQKD quý 3 & quý 4 khả quan.



Mã	Giá mục tiêu (đồng)	Hiện tại		Luận điểm
		PE	PB	
ACV	100.400	216,9	4,6	- Tổng sản lượng hành khách có thể cao kỷ lục trong Q3-2022. Sản lượng trong mùa cao điểm bay hè rất tích cực khi đạt lần lượt 12 triệu và 10 triệu lượt trong T7 và T8. Chúng tôi kỳ vọng sản lượng hành khách có thể duy trì ở mức 9-10 triệu trong tháng 9 để đưa tổng sản lượng đạt 31-32 triệu lượt trong Q3 năm nay, mức cao nhất từ trước tới nay. - Ước tính ACV có thể ghi nhận lãi tỷ giá chưa thực hiện vào khoảng 300 tỷ trong Q3 năm nay khi JPY tiếp tục mất giá khoảng 3% và dư nợ bằng đồng JPY của ACV vào khoảng 67 tỷ JPY.
DBD	52.700	16,5	2,4	- Biên lợi nhuận trong 2H 2022 kỳ vọng cải thiện so với cùng kỳ khi đóng góp từ mảng thiết bị quay về mức trước dịch. Theo đó, doanh thu và LNST Q3 và Q4/2022 lần lượt đạt 375 tỷ đồng (-32% YoY)/55 tỷ đồng (+34%YoY) và 398 tỷ đồng (-2% YoY)/ 59 tỷ đồng (+21% YoY) - Nhà máy sản xuất thuốc ung thư Nhơn Hội dự kiến sẽ đạt tiêu chuẩn EU – GMP cho hai dây chuyền thuốc ung thư dạng tiêm và dạng viên lần lượt vào tháng 6/2023 và 3/2024. DBD sẽ trở thành công ty sản xuất thuốc ung thư đầu tiên tại Việt Nam tham gia đấu thầu tại nhóm 1&2. Biên lợi nhuận gộp của nhóm thuốc ung thư sẽ được cải thiện mạnh mẽ do công ty còn nhiều dư địa để tăng giá bán trong khi chi phí giá vốn không có nhiều sự biến động. - Dự phóng doanh thu/LNST của DBD cho năm 2022F và 2023F lần lượt đạt 1.469 tỷ đồng (-6% YoY)/215 tỷ đồng (+17% YoY) và 1.697 tỷ đồng (+15,5%YoY)/264 tỷ đồng (+ 23% YoY).
TNG	27.600	6,0	1,2	- Chúng tôi kỳ vọng KQKD của TNG sẽ đi ngược xu hướng giảm của ngành dệt may trong nửa cuối năm 2022, nhờ khả năng duy trì các đơn hàng đã ký với khách hàng dài hạn và chi phí nguyên vật liệu được kiểm soát tốt nhằm duy trì biên lợi nhuận gộp cao. Trong 3Q2022, chúng tôi dự phóng doanh thu và LNST của TNG đạt 2.140 tỷ đồng (+ 25% YoY và + 8% QoQ) và 110 tỷ đồng (+29% YoY và +26% QoQ). - Năm 2023, đơn đặt hàng của TNG có thể sẽ giảm do triển vọng nhu cầu hàng may mặc ảm đạm. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng rằng sự sụt giảm doanh thu năm 2023 có thể được bù đắp bằng việc cải thiện tỷ suất lợi nhuận gộp do giá nguyên vật liệu giảm, giúp LNST năm 2023 có thể đi ngang so với cùng kỳ năm trước. Về mặt định giá, rủi ro này dường như đã được phản ánh vào giá cổ phiếu, thể hiện qua sự sụt giảm mạnh gần đây của cổ phiếu TNG. Tại giá đóng cửa ngày 3/10, TNG đang giao dịch ở mức P/E là 6,0 lần, thấp hơn 26% so với P/E trung bình ba năm.
MWG	88.600	17,3	3,9	- iPhone 14 và ngành hàng TV có thể giúp MWG duy trì được mức nền cao doanh số của TGDĐ và ĐMX trong Q4 năm nay. TGDĐ và Topzone dự kiến sẽ chạm mốc 100k đơn đặt hàng iPhone 14 từ nay cho đến giai đoạn pre order đầu tháng 10/2022. Trong khi đó, mùa World Cup 2022 diễn ra vào cuối tháng 11 có thể hỗ trợ doanh số TV. - Kỳ vọng các tín hiệu cải thiện LN rõ nét hơn của BHX trong Q4 năm nay. Sau quá trình tái cơ cấu, chúng tôi kỳ vọng BHX có thể cắt giảm được đáng kể các chi phí hoạt động trong Q4-2022. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng kỳ vọng doanh số mỗi cửa hàng sẽ duy trì đà phục hồi trong các tháng cuối năm nhờ (1) tiếp tục duy trì các CTCK nhằm xây dựng thói quen tiêu dùng, (2) nhu cầu mua sắm cuối năm.
FRT	88.000	13,6	4,4	- Đợt ra mắt iPhone 14 vào ngày 14/10, bên cạnh việc hỗ trợ đáng kể cho doanh thu FPT shop trong Q4, sẽ là một chất xúc tác ngắn hạn cho giá cổ phiếu. Với tỷ trọng doanh thu lớn từ Apple và các sản phẩm iPhone, ước tính chiếm khoảng 37% tổng doanh thu, cùng với tín hiệu khả quan từ số lượng nhận đăng ký trước, chúng tôi kỳ vọng nhóm sản phẩm Apple sẽ là động lực lớn hỗ trợ cho triển vọng LN Q4-2022. - Long Châu vẫn sẽ là động lực tăng trưởng hấp dẫn kể từ 2023. Mặc dù quá trình mở mạnh mẽ độ bao phủ của chuỗi Long Châu và sự bình thường hóa của thói quen mua thuốc sau dịch đang phần nào khiến LN thiếu đi tính ổn định trong những quý gần đây, chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận đóng góp từ Long Châu sẽ tăng trưởng mạnh mẽ hơn trong giai đoạn 2023-25 khi doanh số TB mỗi cửa hàng ổn định và biên lợi nhuận cũng như các tỷ lệ chi phí hoạt động/doanh thu dần được tối ưu hóa.
KBC	33.400	83,2	1,4	- KBC đã ký hợp đồng với Savills để định giá lại khoản đầu tư vào CTCP đầu tư Sài Gòn – Đà Nẵng. Công ty cho biết khâu định giá đang đi đến những bước cuối cùng và kỳ vọng có thể ghi nhận 2.200 tỷ đồng từ đánh giá lại trong Q3/2022. Với khoản đóng góp này, chưa tính đến phần BĐS KCN thì LNST quý 3/2022 có thể đạt gần 2000 tỷ đồng, so với mức lỗ nhẹ của cùng kỳ năm 2021. - Hiện tại có khoảng 100 ha đất KCN đã ký MOU ở các khu công nghiệp Quang Châu và Nam Sơn Hạp Lĩnh (chưa bao gồm 20ha dự kiến cho Oppo thuê). Ước tính thận trọng, chúng tôi cho rằng KBC có thể bàn giao gần 20ha trong 6 tháng cuối năm 2022. - Công ty có thể chưa bàn giao các dự án BĐS dân cư do chưa hoàn thiện pháp lý. Điều này khiến doanh nghiệp có thể không hoàn kế hoạch kinh doanh cả năm 2022. Chúng tôi điều chỉnh giảm GMT xuống 36.100 đồng/CP để phản ánh khả năng chậm phát triển các dự án BĐS dân cư.

Bảng 8: Hiệu suất danh mục mô phỏng Tháng 10/2022

Cổ phiếu	Hiệu suất từ thời điểm khuyến nghị	Tỷ trọng	GMT (VND)	Cổ tức	Giá thị trường (VND) @04/10/2022	Tỷ lệ sinh lời kỳ vọng
NT2	-0,8%	8,4%	29.200	1.000	26.000	16%
HND	-2,7%	8,2%	23.300	400	15.464	53%
VNM	-3,5%	8,1%	85.100	3.850	70.900	25%
VCB	-7,4%	7,9%	96.900	0	71.300	36%
DRC	-8,0%	7,8%	34.700	1.200	26.400	36%
PVT	-8,2%	7,8%	23.800	500	18.000	35%
BMP	-10,6%	7,6%	81.100	6.550	55.000	59%



MBB	-14,9%	7,2%	35.700	0	18.800	90%
PNJ	-15,8%	7,1%	137.500	2.000	98.500	42%
TCB	-21,5%	6,6%	62.700	0	30.300	107%
PHR	-24,3%	6,4%	73.900	3.000	51.500	49%
CTG	-27,7%	6,1%	34.000	0	20.750	64%
KBC	-34,3%	5,6%	33.400	0	26.000	28%
LHG	-38,6%	5,2%	52.000	1.900	22.600	138%
Tổng	-15,6%	100%				53%
VN Index	-14,0%					

Nguồn: CTCK Rồng Việt

DANH SÁCH CỔ PHIẾU QUAN TÂM

Mã	Sàn	VHTT (triệu USD)	Giá mục tiêu (đồng)	Giá hiện tại (đồng)	Lợi nhuận kỳ vọng (%)	Khuyến nghị	2021		2022F		2023F		PE 2022F (x)	PE 2023F (x)	PB hiện tại (x)	Tỷ suất cổ tức (%)	+/- Giá 1 năm (%)	GTGD BQ 3 tháng (nghìn USD)	Sở hữu Nước ngoài còn lại (%)
							+/- DT (%)	+/- LNST (%)	+/- DT (%)	+/- LNST (%)	+/- DT (%)	+/- LNST (%)							
LHG	HOSE	51	52.000	23.450	130%	Mua	21,5	48,5	10,7	-14,2	8,1	45,5	4,9	3,4	0,8	8,1	-49,4	828,6	35,9
TCB	HOSE	4.640	62.700	30.250	107%	Mua	37,1	46,4	20,6	25,5	18,5	18,0	4,7	4,0	1,0	0,0	-38,3	10.209,6	0,0
MBB	HOSE	3.698	35.700	18.700	91%	Mua	35,0	53,7	26,5	42,0	17,1	17,4	4,4	3,7	1,3	0,0	-18,3	9.863,4	0,0
HDB	HOSE	2.018	32.000	18.400	74%	Mua	21,6	42,5	31,3	37,3	30,2	36,4	4,6	3,3	1,4	0,0	-7,4	4.671,6	3,5
NLG	HOSE	471	45.800	28.200	73%	Mua	134,8	28,3	-5,7	-27,7	130,1	160,3	17,0	8,4	1,3	5,3	-22,8	3.733,5	11,2
TNG	HNX	80	27.600	17.500	61%	Mua	0,0	0,0	18,6	30,0	-4,9	-7,6	6,4	7,3	1,2	2,9	-28,7	2.363,3	-4,7
BMP	HOSE	197	81.100	55.100	59%	Mua	-2,8	-59,0	16,5	194,5	10,8	18,1	7,9	6,7	1,8	11,9	9,0	144,4	14,8
CTG	HOSE	4.527	34.000	21.600	57%	Mua	17,4	3,0	15,2	52,5	12,3	10,6	6,9	6,2	1,0	0,0	-25,6	4.568,7	3,2
ACB	HNX	3.182	33.600	21.600	56%	Mua	29,7	25,0	18,3	37,7	19,0	15,6	5,6	4,8	1,4	0,0	-14,3	3.593,6	0,0
VPB	HOSE	4.977	26.400	17.000	55%	Mua	13,5	13,4	31,6	69,9	22,3	18,3	6,9	6,5	1,3	0,0	-28,2	16.051,1	-0,1
HAH	HOSE	116	59.300	39.000	55%	Mua	64,1	222,1	31,0	93,4	-5,2	-16,6	3,3	4,0	1,4	2,6	-13,8	4.265,6	30,5
HND	UPCOM	340	23.300	15.581	52%	Mua	-16,9	-69,5	21,3	81,9	5,4	27,2	10,2	8,1	1,2	2,6	-10,9	24,0	49,0
MSH	HOSE	108	48.200	33.100	52%	Mua	24,5	90,8	20,9	-17,5	4,1	21,1	7,0	5,8	1,5	6,0	-39,9	254,9	43,6
OCB	HOSE	857	21.700	14.350	51%	Mua	11,3	24,6	-2,0	-9,9	22,2	28,3	5,1	4,2	0,9	0,0	-38,0	1.130,0	0,4
MWG	HOSE	3.804	88.600	59.600	51%	Mua	13,3	25,0	13,0	11,2	16,3	46,3	16,0	11,1	3,9	2,5	-4,9	11.941,3	0,0
PHR	HOSE	303	73.900	51.300	50%	Mua	19,0	-49,8	-12,7	117,8	15,0	10,5	9,9	8,9	2,1	5,8	6,1	1.974,8	37,0
HPG	HOSE	5.008	29.500	19.750	49%	Mua	66,1	156,6	1,1	-40,1	2,9	18,6	5,9	5,0	1,2	0,0	-51,1	24.141,5	27,9
NKG	HOSE	196	25.200	17.050	48%	Mua	143,7	653,3	-14,2	-69,4	-3,3	34,5	6,4	5,3	0,7	0,0	-52,7	10.608,1	43,7
FMC	HOSE	122	60.500	42.800	46%	Mua	17,8	18,1	17,4	27,4	12,6	16,2	8,2	7,1	1,6	4,7	-11,8	272,9	18,9
GEG	HOSE	238	24.700	16.950	46%	Mua	-7,5	9,4	53,2	9,8	2,5	21,6	17,3	14,2	1,5	0,0	-2,9	1.396,9	15,0
PC1	HOSE	310	43.800	30.250	45%	Mua	47,4	36,8	-25,2	-30,9	30,9	53,0	16,6	10,8	1,5	0,0	-6,2	2.906,2	45,5
KDH	HOSE	816	36.930	26.100	41%	Mua	-17,4	4,3	-9,9	14,5	0,3	2,6	13,0	13,7	1,7	0,0	-30,5	2.105,9	19,4
PPC	HOSE	224	22.500	16.050	40%	Mua	-51,0	-71,5	45,2	41,5	23,8	117,4	16,6	7,7	1,0	0,0	-28,2	73,2	35,7
PNJ	HOSE	1.069	137.500	99.600	40%	Mua	12,0	-3,4	63,1	66,5	6,5	7,9	14,1	13,9	3,0	2,0	2,3	3.470,1	0,0
VCB	HOSE	14.571	96.900	70.600	37%	Mua	15,7	18,8	16,3	34,8	13,8	12,2	11,4	10,8	2,7	0,0	-4,9	4.171,5	6,5
DRC	HOSE	136	34.700	26.300	37%	Mua	20,1	13,4	17,5	5,2	15,9	17,6	11,4	9,6	1,8	4,6	-12,6	838,3	40,9
FPT	HOSE	3.684	102.500	77.000	36%	Mua	19,5	22,5	19,0	31,8	19,9	18,7	14,9	12,5	4,3	2,6	1,5	6.947,2	0,0
HAX	HOSE	50	26.500	20.100	34%	Mua	-0,3	28,2	8,9	74,9	10,3	9,3	4,2	4,4	1,4	2,5	16,8	854,4	34,2
PVT	HOSE	258	23.800	18.250	33%	Mua	-0,2	-0,5	15,0	33,3	-3,9	-10,0	7,5	9,3	1,1	2,7	-18,7	2.139,1	34,6
GMD	HOSE	624	61.100	47.450	31%	Mua	23,1	65,4	19,9	76,8	6,6	7,4	13,2	12,3	2,1	2,5	-2,6	2.613,1	1,7
DBD	HOSE	132	52.730	40.300	31%	Mua	24,0	19,8	-5,7	16,8	15,5	22,9	14,1	13,7	2,4	0,0	9,2	277,6	92,6
ACV	UPCOM	7.296	100.400	76.847	31%	Mua	-38,4	-90,8	141,8	556,6	32,6	19,2	30,7	25,7	4,1	0,0	-7,8	221,2	45,2
FRT	HOSE	352	88.000	68.200	30%	Mua	53,4	1.695,1	27,6	27,8	21,9	27,0	14,2	11,2	4,4	1,5	115,9	6.232,8	30,5
BFC	HOSE	54	25.800	21.500	29%	Mua	42,2	64,5	14,0	-9,9	-9,4	-18,2	6,9	8,4	1,2	9,3	-36,1	290,3	44,6
IMP	HOSE	180	79.000	62.000	27%	Mua	-7,5	-9,8	18,6	18,5	35,0	44,6	20,2	13,9	2,3	0,0	-13,1	15,0	0,2
ELC	HOSE	34	13.600	11.200	27%	Mua	-17,8	0,5	37,8	19,7	6,8	10,8	14,0	12,6	0,8	5,4	-51,7	209,6	45,4
VHC	HOSE	632	97.200	79.000	26%	Mua	28,7	56,2	49,3	98,4	-10,4	-20,8	6,8	8,5	2,0	2,5	55,4	3.514,5	72,0
VNM	HOSE	6.471	85.100	71.000	25%	Mua	2,2	-5,1	6,9	-2,2	7,0	10,8	16,0	14,4	4,4	5,4	-16,8	7.534,4	45,1
PVD	HOSE	447	23.000	18.450	25%	Mua	-23,7	-89,6	40,1	N/A	9,1	N/A	-288,3	24,7	0,8	0,0	3,2	7.613,7	36,4
REE	HOSE	1.135	90.700	73.200	24%	Mua	3,0	13,9	37,3	25,4	13,6	5,2	11,2	10,6	1,8	0,0	29,2	3.909,9	0,0
KBC	HOSE	904	33.400	27.000	24%	Mua	100,3	198,7	-28,0	320,3	130,1	-27,3	6,3	8,7	1,5	0,0	-15,7	9.516,5	31,6
SCS	HOSE	307	91.900	74.900	23%	Mua	21,1	21,6	10,4	12,4	11,8	13,5	12,4	10,8	5,1	0,0	4,5	132,7	20,5
QNS	UPCOM	682	50.300	43.827	22%	Mua	13,0	17,9	13,3	2,0	12,1	14,9	10,5	9,2	2,3	6,8	-9,3	1.001,1	30,5

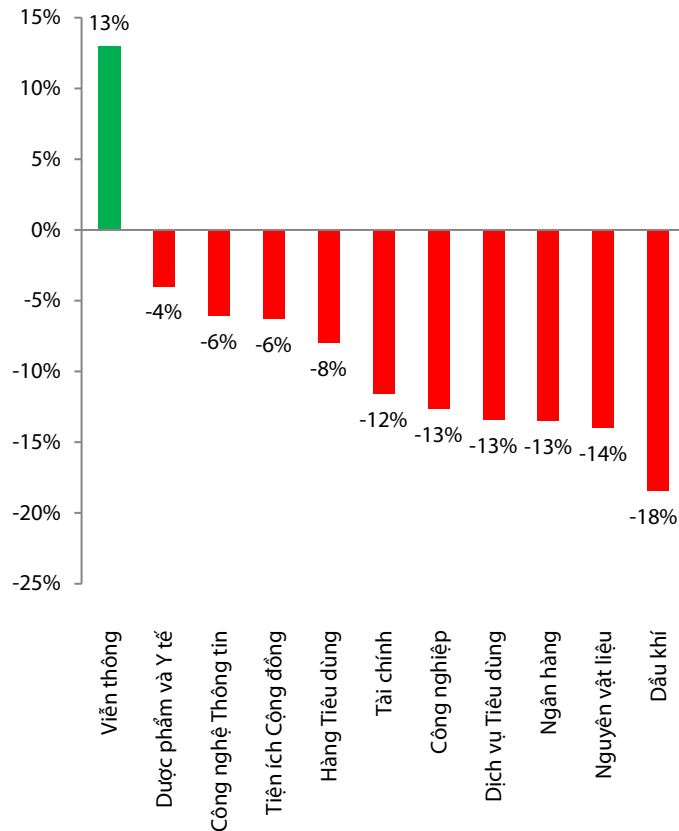


Mã	Sàn	VHTT (triệu USD)	Giá mục tiêu (đồng)	Giá hiện tại (đồng)	Lợi nhuận kỳ vọng (%)	Khuyến nghị	2021		2022F		2023F		PE 2022F (x)	PE 2023F (x)	PB hiện tại (x)	Tỷ suất cổ tức (%)	+/- Giá 1 năm (%)	GTGDBQ 3 tháng (nghìn USD)	Sở hữu Nước ngoài còn lại (%)
							+/- DT (%)	+/- LNST (%)	+/- DT (%)	+/- LNST (%)	+/- DT (%)	+/- LNST (%)							
MSN	HOSE	5.836	112.800	94.000	20%	Tích lũy	14,8	593,9	-3,5	-45,6	11,9	13,4	17,8	10,6	4,6	0,0	-18,7	5.584,6	20,1
BID	HOSE	6.960	37.400	31.550	19%	Tích lũy	24,7	48,1	12,5	54,1	9,5	14,1	12,2	11,5	1,8	0,3	2,8	2.731,7	13,1
ANV	HOSE	202	42.000	36.500	18%	Tích lũy	1,6	-36,7	46,2	465,1	-2,9	-18,5	6,4	7,8	1,7	2,7	29,4	2.903,6	46,0
NT2	HOSE	333	29.200	26.500	14%	Tích lũy	1,1	-14,6	29,1	54,9	12,6	11,6	9,5	8,5	1,7	3,8	34,2	1.982,5	35,0
STK	HOSE	145	44.500	40.600	13%	Tích lũy	15,7	94,2	13,2	3,8	10,9	-3,1	9,6	11,8	2,3	3,7	-3,2	37,2	87,0
DPR	HOSE	116	64.500	62.000	9%	Tích lũy	6,7	152,0	13,1	32,9	-9,7	19,4	7,9	6,2	1,2	4,8	-11,7	469,4	-2,8
VSC	HOSE	181	36.000	34.300	8%	Tích lũy	12,0	45,7	4,0	15,5	4,3	6,9	10,3	9,6	1,5	2,9	14,9	2.231,8	44,1
DPM	HOSE	744	40.700	43.600	5%	Trung lập	64,7	349,6	39,6	78,2	-22,2	-46,5	3,1	5,8	1,3	11,5	27,4	6.848,1	33,7
PVS	HNX	446	20.700	21.400	0%	Trung lập	-29,5	-3,5	16,6	10,1	-4,3	-1,2	17,1	17,4	0,9	3,3	-22,9	9.063,8	38,1
HDG	HOSE	404	36.700	37.900	-1%	Trung lập	-23,2	11,3	-0,7	36,4	-11,2	-6,3	7,2	8,3	1,9	2,6	-2,0	4.178,4	36,1
TCM	HOSE	153	42.200	42.950	-1%	Trung lập	1,9	-48,2	18,7	86,6	6,0	23,7	0,0	11,9	1,9	1,2	-23,5	1.439,0	2,8
PGI	HOSE	132	24.800	27.200	-4%	Trung lập	1,3	101,2	3,0	-26,1	13,8	15,4	9,4	7,5	1,7	4,4	34,1	16,9	79,4

Nguồn: CTCK Rồng Việt; dữ liệu tại ngày 03/10/2022

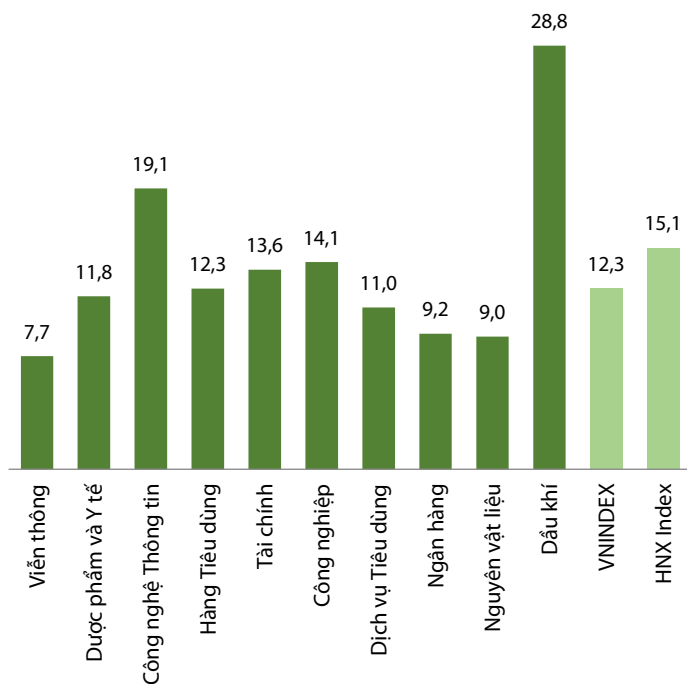
CHỈ SỐ CÁC NHÓM NGÀNH

Biến động nhóm ngành cấp 1



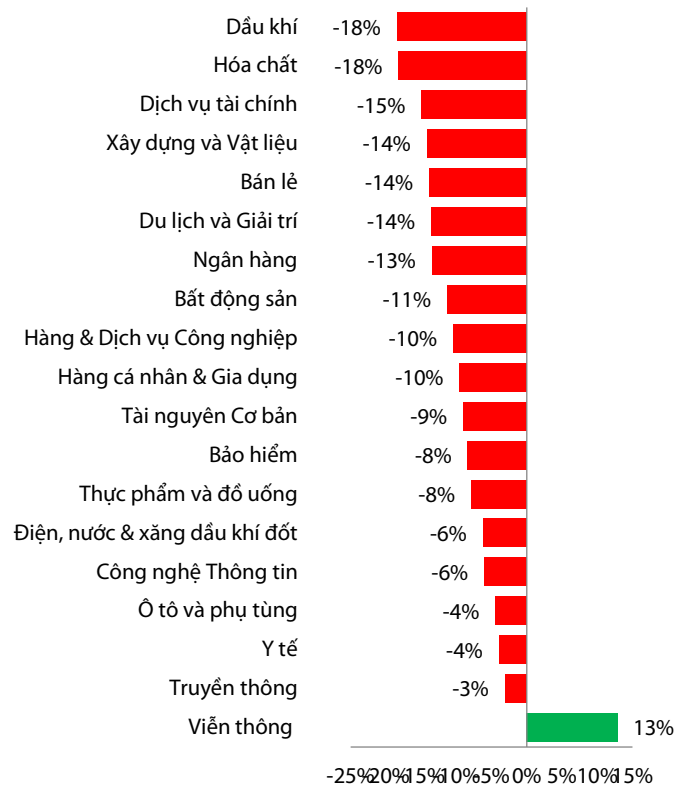
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

So sánh chỉ số P/E ngành



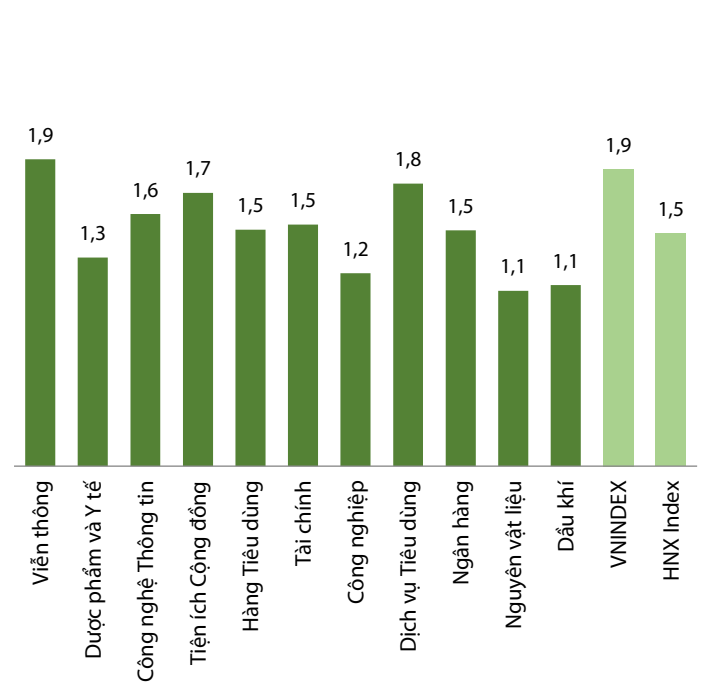
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt.

Biến động chỉ số nhóm ngành cấp 2



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

So sánh chỉ số P/B ngành



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Phương Lam **Head of Research**

lam.ntp@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1313)
• Thị trường
• BĐS Khu công nghiệp

Trần Hà Xuân Vũ **Senior Manager**

vu.thx@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1512)
• Dầu khí
• Phân bón

Phạm Thị Tố Tâm **Manager**

tam.ptt@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1530)
• Ngân hàng
• Bảo hiểm
• Vật liệu xây dựng

Đỗ Thanh Tùng **Manager**

tung.dt@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1521)
• Hàng không
• Logistics
• Thị trường

Nguyễn Thị Ngọc An **Senior Analyst**

an.ntn@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1541)
• Thực phẩm & Đồ uống
• Ô tô & Phụ tùng

Trần Kỳ Anh **Senior Analyst**

anh.tk@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1544)
• Thị trường
• Bất động sản
• Xây dựng

Nguyễn Hồng Loan **Analyst**

loan.nh@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1531)
• Bán lẻ
• Thủy sản
• Thực phẩm & Đồ uống

Nguyễn Ngọc Thảo **Analyst**

thao.nn@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1524)
• Tiện ích công cộng
• Ngân hàng

Cao Ngọc Quân **Analyst**

quan.cn@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (2223)
• Cảng biển
• Dược

Trần Thị Ngọc Hà **Assistant**

ha.ttn@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1526)

Lê Tự Quốc Hưng **Analyst**

anh.tk@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1546)
• Thị trường
• Bất động sản KCN

Bernard Lapointe **Senior Consultant**

bernard.lapointe@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006

Trần Thị Hà My **Senior Consultant**

my.tth@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006
• Kinh tế vĩ mô

Trịnh Thị Thu Hoài **Analyst**

hoai.ttt@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1545)
• Dệt may
• Tiện ích công cộng

Trần Ngọc Thảo Trang **Assistant**

trang.tnt@vdsc.com.vn
+ 84 28 6299 2006 (1522)

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. CTCK RỒNG VIỆT tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được CTCK RỒNG VIỆT thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của CTCK RỒNG VIỆT. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của CTCK RỒNG VIỆT đều trái luật. Bản quyền thuộc CTCK RỒNG VIỆT, 2022.

